

Số: 199/2019/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp áp

dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm thuộc Danh mục ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Đối tượng áp dụng

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (*sau đây gọi chung là hộ nông dân*);

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là cá nhân*);

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (*sau đây gọi chung là hợp tác xã*);

- Doanh nghiệp;

- Các tổ chức, cá nhân liên quan khác.

2. Nội dung chính sách và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng cho 01 dự án liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản gi a súc, gia cầm và thủy sản; công trình cấp, thoát nước, công trình xử lý chất thải, hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất; giao thông khu sản xuất; công trình giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng cho 01 dự án liên kết.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho 01 dự án liên kết

- Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, tham quan; 50% chi phí xây dựng mô hình khuyến nông trình diễn. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

- Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% chi phí giáo trình, học phí đào tạo nghề; 100% chi phí tập

huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác cho nông dân tham gia dự án liên kết. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng, cụ thể:

+ Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư trong 03 vụ cho các ngành hàng, sản phẩm có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm. Hỗ trợ 1 lần 50% chi phí mua giống cây trồng mới, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm cho ngành hàng sản phẩm có chu kỳ sản xuất trên 01 năm.

+ Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống; 30% chi phí mua vắc - xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ nông dân, trang trại tham gia chuỗi liên kết trong 02 chu kỳ sản xuất.

+ Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 chu kỳ sản xuất.

+ Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa 03 năm.

3. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách Trung ương: Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Các chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã,... Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

- Ngân sách tỉnh: Bố trí ngân sách tỉnh hàng năm trên cơ sở đã cân đối nguồn thu, chi ngân sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính

phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVI, Kỳ họp thứ Tám, thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên